

Bản án số: 505/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi;

Ông Lê Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 591/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 620/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978

Bị đơn: ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977

Cùng cư trú: tổ 17, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang

(Tại phiên tòa bà T có mặt, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị T trình bày: Hôn nhân của bà và ông T1 là do mai mối được hai bên gia đình đồng ý

đứng ra tổ chức lễ cưới vào năm 1993, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã PH ngày 04/6/2007.

Sống chung với nhau đến năm 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng không thể hàn gắn được nữa. Nguyên nhân là do ông T1 không chăm lo cho gia đình, ông cờ bạc, gây nợ nần, khi bà lên tiếng khuyên ngăn thì ông to tiếng dùng nhiều lời xúc phạm, ra tay đánh bà. Gia đình hai bên cũng đã hàn gắn nhưng không được nên bỏ mặc. Bà và ông T1 đã không còn chung sống với nhau 09 năm nay, ông T1 hiện nay đã đi làm ở Bình Dương nhưng vẫn không lo được gì cho gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà quyết định ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/02/2006, hiện do bà và gia đình chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T1 theo quy định nhưng ông không có mặt theo các thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

Cháu Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Cháu là con ruột của bà T và ông T1, hiện cháu học lớp 9 trường trung học cơ sở PH. Trong quá trình chung sống cha mẹ thường xuyên tranh cãi, hiện nay không còn chung sống nữa nên mẹ quyết định xin ly hôn.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Theo biên bản xác minh ngày 12/11/2020 ông Võ Tấn H1 – Trưởng ấp P cho biết: Hiện ông Nguyễn Văn T1 không có mặt ở địa phương do đi làm ăn xa, thỉnh thoảng vào dịp lễ tết mới về thăm gia đình. Tuy nhiên hộ khẩu của ông T1 vẫn ở tại ấp P, xã PH quản lý.

Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2020 bà Võ Thị Bấp – mẹ ruột của ông T1 cho biết: Hôn nhân của bà T và ông T1 do mai mối vào năm 1993. Bà T và ông T1 chung sống với nhau không xảy ra mâu thuẫn lớn, thỉnh thoảng xảy ra tranh cãi về chuyện tiền bạc do kinh tế gia đình quá khó khăn. Ông T1 có tâm sự bà nhờ lên tiếng hàn gắn nhưng không thành, ông T1 đi làm công nhân ở thành phố nhiều năm nay, dịp lễ tết có về nhưng hai vợ chồng không hàn gắn được. Nay bà T xin ly hôn bà không có ý kiến, để ông T1 và bà T tự giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa, bà T có mặt bảo lưu ý kiến. Riêng ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Đồng thời, ông T1 cư trú trên địa bàn huyện An Phú phù hợp với bản sao số hộ khẩu số 7498 ngày 07/8/2018. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Tại phiên tòa, ông T1 vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 do mai mối nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH ngày 04/6/2007 nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.1] Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thời gian không chung sống giữa hai người đã lâu nhưng các bên không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 đã được triệu tập để tham gia các phiên hòa giải nhưng vắng mặt, điều này cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa bà T cũng không đồng ý đoàn tụ, giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, các bên đã không thực hiện trọn vẹn nghĩa vụ vợ chồng với nhau nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T trình bày có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/02/2006, lời khai trên phù hợp với trích lục giấy khai sinh số 833 ngày 07/11/2016 của UBND xã PH, hiện con chung do bà T nuôi dạy.

Xét yêu cầu về con chung sau khi ly hôn của bà T thì thấy: Cháu N có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Đồng thời bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu từ khi vợ chồng không chung sống với nhau đến nay nên để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của con chung, xét thấy cần tiếp tục giao cháu N cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà T.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị T

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77 ngày 04/6/2007 của Ủy ban nhân dân xã PH mang tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 16/02/2006, công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004756 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã PH, AP, AG;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo